TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Tuấn Trung**
Ông **Trần Việt Quân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Màu** - Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và Điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS, ngày 09/01/2024 đối với bị cáo: Nguyễn Văn Th, sinh ngày 01/01/1991, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Bé N và bà Lê Thị B; Bị cáo có vợ tên Thạch Thị Bé Ng (Đã ly hôn); Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện

pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 06/10/2023 đến ngày 12/10/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1984; Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; Cùng cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cùng có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1968; Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Chị Tô Thị E, sinh năm 1979; Cư trú tại: Khóm 4, phường 1, thành phố M, tỉnh P, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm 1988; Cư trú tại: Ấp V, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 23/9/2023, bị cáo Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991, ngụ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang ở nhà của Cậu họ của bị cáo tên Trần Văn L, sinh năm 1984, ngụ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để làm thuê phụ chăn nuôi vịt và sinh sống tại nhà của anh L. Sau khi cho vịt ăn xong thì bị cáo Th nhớ lại là chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển số 84H1 – 078.28 của anh L thường ngày đậu ở sân có mái hiên, luôn cắm sẵn chìa khóa trên xe nên bị cáo Th đã nảy sinh ý định là chờ đêm khuya lúc mọi người trong gia đình anh L ngủ say thì bị cáo Th sẽ trộm cắp chiếc xe, biển số 84H1 – 078.28 của anh L đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, bị cáo Th chuẩn bị quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của bị cáo bỏ sẵn vào trong ba lô rồi vẫn đi sinh hoạt như thường ngày để tránh bị nghi ngờ và đợi thời gian thích hợp sẽ trộm xe. Đến khoảng 03 giờ sáng, ngày 24/9/2023, bị cáo Th thức dậy quan sát vợ chồng anh L đã ngủ say trong phòng ngủ, nên bị cáo Th đã lén lút lấy trộm xe mô tô, biển số 84H1 – 078.28 và lấy ba lô đựng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của bị cáo để ở ba ga xe, bị cáo mở cửa sắt bên hông nhà và dẫn xe đi ra đường nhựa. Khi bị cáo Th dẫn xe mô tô biển số 84H1 – 078.28 đi trên đường nhựa cách nhà ông L khoảng 100m thì bị cáo Th đề máy xe (Vì sợ đề máy xe ở gần nhà thì bị anh L phát hiện) để điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, bị cáo Th điều khiển chiếc xe, biển số 84H1 – 078.28 vừa trộm được của anh L đi đến nhà trọ M tọa lạc tại ấp V, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do chị Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm 1988, ngụ thuộc ấp V, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh làm chủ để nghỉ ngơi và cất giấu xe đã trộm.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, một mình bị cáo Th điều khiển xe mô tô, biển số 84H1 – 078.28 đi đến tiệm cầm đồ Thảo V 4, tọa lạc tại khóm N, phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do chị Tô Thị H, sinh năm 1979, ngụ khóm 4, phường 1, thành phố M, tỉnh P làm chủ, bị cáo Th mở cốp xe lấy

Giấy đăng ký xe biển số 84H1 – 078.28 mang tên Trần Văn L đứng tên đăng ký chủ quyền xe để cầm cho chị H với giá 7.000.000 đồng và bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền nêu trên. Đến ngày 06/10/2023, bị cáo Th đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần để đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 84H1 – 078.28 của anh L để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 17/KL.HĐ, ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận như sau: 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, theo giá thị trường tại thời điểm ngày 24/9/2023 có giá 21.750.000 đồng/ chiếc. Giá trị còn lại 40% x 21.750.000 đồng = 8.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mất trộm: 8.700.000 đồng (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có: Đồ vật do chị Tô Thị E tự nguyện giao nộp gồm: 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển số 84H1-078.28 và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 84H1-078.28 mang tên Trần Văn L. Quá trình điều tra, vào ngày 16/10/2023, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Văn L gồm 01 (Một) chếc xe và 01 (Một) giấy đăng ký xe nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Bé N, cha ruột bị cáo Th đã đứng ra khắc phục hậu quả cho bị cáo Th số tiền 7.100.000 đồng cho anh L, chị H để chuộc xe và ông N cũng không có yêu cầu bị cáo Th trả lại cho ông số tiền này. Chị Tô Thị E đã nhận lại đủ số tiền bị cáo cầm xe nên không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSTC-HS, ngày 13/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th, về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận: Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nêu về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, đồng thời cáo trạng truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng, bị cáo không có ý kiến trình bày bổ sung đối với nội dung bản cáo trạng đã công bố và bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận cũng như không có khiếu nại gì về các quyết định cũng như các hành vi của Cơ quan Công an điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với bị cáo.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị hại anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H khai vào ngày 24/9/2023, anh, chị bị mất tài sản gồm 01 (Một) chiếc xe mô tô

hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển số 84H1-078.28 và anh L, chị H đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Về trách nhiệm dân sự anh L, chị H không yêu cầu. Về trách nhiệm hình sự anh L, chị H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé N trình bày: Bị cáo Th có tác động để ông khắc phục hậu quả cho anh L, chị H. Ông đã bỏ ra số tiền 7.100.000 đồng để đưa cho anh L, chị H chuộc chiếc xe mô tô mà bị cáo Th đã trộm. Ông không yêu cầu bị cáo Th phải trả lại số tiền mà ông đã khắc phục cho bị hại.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Không có tình tiết tăng nặng) đối với bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 50 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2023, về tội "Trộm cắp tài sản".

Hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên yêu cầu không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Bé N, cha ruột bị cáo Th đã đứng ra khắc phục hậu quả cho bị cáo Th số tiền 7.100.000 đồng để cho bị hại chuộc xe và ông N cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền này. Chị Tô Thị E đã nhận lại đủ số tiền bị cáo cầm xe nên không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Th nói lời nói sau cùng: Trong quá trình bị cáo bị tạm giam. bị cáo đã biết lỗi nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị E; Người làm chứng chị Đoàn Thị Mỹ D vắng mặt nhưng những người này đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật

tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Th đã khai nhận: Vào khoảng 03 giờ sáng, ngày 24/9/2023 tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển số 84H1-078.28 của anh Trần Văn L, chị Nguyên Thị H với tổng giá trị tài sản là 8.700.000 đồng nhằm mục đích sử dụng cá nhân đúng như bản cáo trạng đã truy tố.

[4] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận của Hội đồng định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 24/9/2023 tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, màu đỏ - đen, bánh mâm, thắng đĩa, biển số 84H1-078.28 của anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H với tổng giá trị tài sản là 8.700.000 đồng nhằm mục đích sử dụng cá nhân nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ lẽ đó, xét Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSTC-HS, ngày 13/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tội phạm bị cáo thực hiện tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân làm cho mọi người không an tâm về tài sản của mình.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo ra đầu thú. Bị cáo có ông Ngoại tên Lê Văn B là Liệt sĩ và cha ruột là ông Nguyễn Văn Bé N là người có công với cách mạng được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy

định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Bé N, cha ruột bị cáo Th đã đứng ra khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 7.100.000 đồng để chuộc xe, ông N cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền này. Chị Tô Thị E đã nhận lại đủ số tiền bị cáo cầm xe nên không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

[9] Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn Bé N, chị Tô Thị E, chị Đoàn Thị Mỹ D thời gian trước, trong và sau khi bị cáo Th thực hiện hành vi phạm tội thì ông N, chị E, chị D hoàn toàn không biết nên không có cơ sở xử lý.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định cuả pháp luật.

[11] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu nên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Bé N, cha ruột bị cáo Th đã đứng ra khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 7.100.000 đồng để chuộc xe, ông N cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền này. Chị Tô Thị E đã nhận lại đủ số tiền bị cáo cầm xe nên không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- THAHS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã H;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh